

DẶN DÒ TIẾNG ANH

Hôm nay các em ôn tập **Unit 5: This is my nose! Words + Grammars**



Từ vựng: arms



, nose



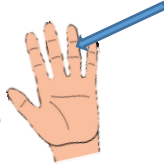
face ,



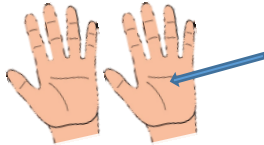
, legs



fingers



, hands



→ one arm



, two arms



Mẫu câu:

+ **This is** my nose. (Đây là cái mũi của tôi.)

+ **These are** my arms. (Đây là những cánh tay của tôi.)



Để có kết quả tốt trong việc học tiếng Anh các em nhớ:

- Luyện đọc và nhận diện từ vựng đầy đủ.
- Luyện tập kĩ năng nghe track 61 và 63 trong “Student book” trang 36, 37
- Làm bài tập đầy đủ cô sẽ gửi đáp án để các em dò lại.
- Hoàn thành phiếu bài tập, chụp hình gửi qua Zalo cô sẽ kiểm tra cho các em